

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2025

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Tha Mlô; 2. Bà Trần Thị Thanh Thẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2024/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Mai Thị L, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn HT, xã QH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là thôn HT, xã E, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và bà Mai Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Quảng Hiệp, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống do quan điểm sống bất đồng nên thường hay xảy ra mâu thuẫn, bà L đã bỏ nhà đi chung sống với người khác từ khoảng 07 năm nay. Ông H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 22/4/2002, cháu Nguyễn Văn K – sinh ngày 19/02/2004. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà Mai Thị L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh tại Hội phụ nữ xã Quảng Hiệp: Mâu thuẫn giữa Ông H và bà L thì Hội phụ nữ không biết, chỉ biết bà L đã đi thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng trở lại nhà, bà L và Ông H không chung sống đã gần 10 năm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Mai Thị L. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại Thôn HT, xã QH, huyện C (nay là thôn HT, xã E, tỉnh Đắk Lắk), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, đăng ký kết hôn ngày 12/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời

gian chung sống do quan điểm bất đồng nên Ông H và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được. Sau đó bà L bỏ nhà đi, đã gần 07 năm nay Ông H và bà L không còn chung sống với nhau nữa; hiện nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, Ông H và bà L không chung sống với nhau trong thời gian dài, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, không thể hàn gắn được. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa Ông H và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông H xác định 02 con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Bà Mai Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 277; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Mai Thị L.
2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007627 ngày 24/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk
- THADS tỉnh Đắk Lắk
- UBND xã E
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

